

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 91

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang một trăm lẻ ba, xem hàng thứ sáu kể từ dưới lên.

“*Bốn kinh tiên liệt Thanh Văn, hậu chương Bồ Tát, chánh như Phật Địa Luận đệ nhị vân: - Tiên thuyết Thanh Văn, hậu thuyết Bồ Tát. Thanh Văn chúng giả, cận đối Thế Tôn, thân thọ hóa cố. Hựu chư Thanh Văn, thường tùy Phật cố, hình đồng Phật cố. Thị cố, chư kinh đa thị tiên Thanh Văn, nhi hậu Bồ Tát*” (Kinh này trước là liệt kê Thanh Văn, sau nêu bày hàng Bồ Tát. Đúng như Phật Địa Luận, quyển thứ hai đã nói: “Trước nói Thanh Văn, sau nói Bồ Tát. Vì hàng Thanh Văn thân cận đức Thế Tôn, được Ngài đích thân giáo hóa. Lại nữa, các vị Thanh Văn thường theo đức Phật, có hình dáng giống như Phật. Do vậy, các kinh phần nhiều liệt kê chúng Thanh Văn trước, sau đó mới nói đến hàng Bồ Tát”). Trong phần trước, chúng ta đã nói tới ý nghĩa này. Khi kết tập Kinh Tạng, Sáu Thứ Thành Tựu trong phần trước chính là lời mào đầu của đức Thế Tôn, liệt kê các vị Thượng Thủ hoàn toàn nhằm biểu thị pháp. Từ các vị Thanh Văn và Bồ Tát, chúng ta liền biết tánh chất của bộ kinh này. Từ những vị biểu thị pháp, chúng ta sẽ thấy: Qua bộ kinh này, đức Thế Tôn muốn dạy chúng ta pháp môn nào. Như đã nói trong phần trước, ngài Liễu Bồn Tế tượng trưng cho tự tánh, Bồn Tế là bồn tánh, Liễu là hiểu rõ. Nói theo cách bây giờ, [Liễu Bồn Tế] chính là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, biểu thị ý nghĩa này, thành tựu trong một đời. Thông thường, ta thấy [những vị Thượng Thủ được nêu tên] nhiều nhất là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, gần như mỗi bộ kinh đều có hai Ngài, điều đó tượng trưng cho trí huệ và thần thông trong tự tánh, đồng thời [biểu thị] bản năng (năng lực sẵn có) của sáu căn chẳng có chướng ngại. Mắt thấy thì chúng ta có thể thấy khắp pháp giới hư không giới, có thể thấy tự tánh, có năng lực to dường ấy, căn tánh của sáu căn đều chẳng thể nghĩ bàn. Ngài Ca Diếp biểu thị Thiên Tịnh bất nhị, tôn giả A Nan biểu thị đa văn đệ nhất, khiến cho chúng ta trông thấy những vị ấy liền biết tánh chất trọng yếu của bộ kinh này, chúng ta học tập bộ kinh này sẽ có thể đạt tới cảnh giới như thế nào!

Hôm nay chúng ta xem tới phần Bồ Tát Chúng. “*Hựu hữu Phổ Hiền Bồ Tát*” (lại có Phổ Hiền Bồ Tát), xếp Phổ Hiền trước Văn Thù giống như trong kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm cũng xếp ngài Phổ Hiền đầu tiên, Văn Thù thứ hai. Phổ Hiền tượng trưng Hành môn, Văn Thù tượng trưng Giải môn. Nói cách khác, bộ kinh này chú trọng thực hành, phải thật sự làm, chú trọng Hành môn. Chúng ta đọc lời chú giải của Hoàng

lão cư sĩ, “*Bồ Tát nãi Phạm ngữ chi lược tồn*” (Bồ Tát là nói tắt của tiếng Phạn), đây là nói tới [nguyên gốc của chữ Bồ Tát] trong tiếng Phạn, người Trung Quốc chuộng đơn giản, nên đã rút gọn [từ ngữ ấy], “*cụ túc ưng vân Ma Ha Bồ Đề Chất Đé Tát Đỏa*” (nói đầy đủ phải là Ma Ha Bồ Đề Chất Đé Tát Đỏa). Phía trước còn thêm chữ Ma Ha, Ma Ha có nghĩa là Đại. “*Bồ Đề Chất Đé Tát Đỏa*”, Ma Ha dịch là Đại, Bồ Đề dịch là Đạo, Chất Đé (Citta) dịch thành Tâm, Tát Đỏa (Sattva) dịch thành Chúng Sanh hoặc Hữu Tình, gộp lại là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh, trong giáo pháp Đại Thừa, cách này được gọi là Cổ Dịch. [Nói đến] cổ hay kim bèn lấy Huyền Trang đại sư làm đại biểu, [những nhà dịch kinh] trước thời ngài Huyền Trang đại sư gọi là Cổ Dịch, sau Huyền Trang đại sư gọi là Kim Dịch. Chúng ta đọc chú giải thấy nói Cổ Dịch hay Kim Dịch là theo ý nghĩa này, [chữ Kim Dịch] chẳng phải là [dịch thuật theo lối] hiện đại. Thời cổ dịch [Bồ Tát] là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh, Huyền Trang đại sư dịch từ ngữ này thành Giác Hữu Tình, vì Bồ Đề (Bodhi) là giác ngộ, Tát Đỏa (Sattva) là hữu tình chúng sanh. Tình của họ chưa đoạn, [tức là] chưa đoạn tình thức, vẫn chưa thể chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, chưa chuyển tám thức thành bốn trí. Bạc Bồ Tát như vậy được gọi là Bồ Đề Tát Đỏa, đã giác ngộ. Nếu Ngài chuyển tám thức thành bốn trí sẽ gọi là Ma Ha Tát. Ma Ha Tát là Pháp Thân đại sĩ, Pháp Thân đại sĩ là Phật. Cho nên “*giản xưng Bồ Đề Tát Đỏa, nghĩa vi Giác Hữu Tình*” (gọi đơn giản là Bồ Đề Tát Đỏa, nghĩa là Giác Hữu Tình). Giác Hữu Tình là do Huyền Trang đại sư dịch, trước thời Huyền Trang đại sư, [từ ngữ ấy] được dịch là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh.

“*Đồng Phật sở chứng chi vị Giác, vô minh vị tận chi vị Tình*” (sở chứng giống như Phật thì gọi là Giác, chưa hết vô minh nên gọi là Tình). Ở chỗ này, hoàn toàn nói về hàng Pháp Thân Bồ Tát. Có sao nói Pháp Thân Bồ Tát chưa hết vô minh? Tập khí vô minh chưa hết, chứ vô minh đã thật sự đoạn xong, chẳng khởi tâm, không động niệm, nhưng tập khí vẫn có. Các Ngài ở nơi đâu? Các Ngài không ở trong mười pháp giới, mà ở ngoài mười pháp giới, trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Nói chư Phật Như Lai, nhưng thật ra là nói tới cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính mình, vô minh đã đoạn, chứng đắc Pháp Thân, bốn cõi [Tịnh Độ] ấy đều rõ ràng, rành rẽ. Quý vị đến cõi Phương Tiện, hay đến cõi Đồng Cư, nhằm hóa độ chúng sanh. Ấy là do chúng sanh có cảm, tức là chúng sanh trong mười pháp giới có cảm, bốn thánh pháp giới là cõi Phương Tiện, lục đạo là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Do chúng sanh có cảm, Bồ Tát bèn ứng, cảm ứng đạo giao trọn chẳng sai chạy, rất chuẩn xác, hễ có cảm bèn có ứng. Cảm ứng có bốn loại, trong phần trước chúng tôi đã nói rồi, có bốn loại là hiển cảm hiển ứng, hiển cảm minh ứng, minh cảm hiển ứng, minh cảm minh ứng (cảm và ứng rõ rệt; cảm rõ rệt, ứng ngấm ngấm; cảm âm thầm, ứng rõ rệt; cảm và ứng đều âm thầm). Phàm phu chúng ta phiền não quá nặng, tập khí quá sâu, chúng ta có thể cảm Phật, Bồ Tát hay không? Có cảm, các Ngài sẽ ứng, tuy có ứng nhưng chúng ta không biết. Chúng ta là hiển cảm, các Ngài là minh ứng (ứng ngấm ngấm), minh cảm minh ứng (cảm lẫn ứng đều ngấm ngấm) chúng ta cũng không biết, đều chẳng thể nhận biết, nên Phật, Bồ Tát âm thầm gia trì và che chở chúng ta. Nếu là hiển ứng thì sẽ rất rõ rệt,

quý vị thấy, nghe, trong tâm cảm nhận, rất rõ rệt! Có [những trường hợp cảm ứng] rõ rệt, chẳng phải là không có, trong các đồng tu thường có những người như vậy, [những trường hợp như vậy] đều thuộc loại cảm ứng. Vì thế, chúng ta phải hiểu câu “*vô minh vị tận*” này có nghĩa là vị ấy chưa đoạn hết tập khí.

“*Hữu Giác thị sở cầu Phật đạo, Hữu Tình thị sở hóa chúng sanh*” (lại nữa, Giác là Phật đạo được mong cầu, Hữu Tình là chúng sanh được hóa độ). Đây là một ý nghĩa khác của Giác Hữu Tình, nói theo phương diện giáo hóa chúng sanh. Phần trước là Tự Thọ Dụng, ở đây là Tha Thọ Dụng. Dùng gì để giáo hóa chúng sanh? Dùng Phật pháp. Vì thế, chúng ta thấy ở đây [kinh điển] đã ban cho chúng ta một tấm gương rất hay: Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, chẳng tách lìa giáo huấn của đức Phật. Bồ Tát có thể nói không giống hết như Phật, tức là lời lẽ có thể khác nhau, nhưng ý nghĩa chẳng khác! Đó là “*y nghĩa, bất y ngữ*” trong Tứ Y Pháp như đức Phật đã nói, chẳng giống như phức giảng. Phức giảng nhất định phải vừa y nghĩa lại còn y ngữ. Bồ Tát giáo hóa chúng sanh có thể y nghĩa, chẳng y ngữ thì quý vị mới có thể khế cơ; nếu không, sẽ chẳng khế cơ! Vừa y nghĩa vừa y ngữ là gì? Đó là phức giảng kinh do Phật, Bồ Tát đã nói nhằm tạo tín tâm cho đại chúng, ta chẳng thay đổi một chữ nào do Phật, Bồ Tát đã nói, hoàn toàn nói đúng như thế, nhằm kiến lập tín tâm, mang ý nghĩa này. Nếu giúp chúng sanh lý giải bèn sống động, linh hoạt, hãy nên thuận theo nghĩa, chứ không lập lại y hết từ ngữ. Giải thích cho họ, kinh văn tuyệt đối chánh xác, chẳng thêm vào một chữ nào, nhưng giảng giải thì sống động, linh hoạt, phải giảng ý nghĩa rõ ràng ngõ hầu người khác sẽ thật sự thấu hiểu. Do vậy, “*hữu tình*” là những chúng sanh được giáo hóa, những hữu tình chúng sanh ấy đều chưa đoạn tập khí phiền não.

“*Lợi sanh vi cấp, quảng độ quần sanh đồng đẳng Đại Giác, cố vị Giác Hữu Tình*” (gấp rút lợi sanh, rộng độ quần sanh chứng lên Đại Giác, nên [Bồ Tát] được gọi là Giác Hữu Tình), ý nghĩa này hay hơn ý nghĩa trong phần trước. Bồ Tát thật sự phát tâm đại Bồ Đề, lấy chuyện giúp đỡ và thành tựu người khác làm đầu, mong mỗi người khác được thành tựu trước, hy vọng người khác sớm thành tựu. Địa Tạng Bồ Tát đại diện chuyện này, “*địa ngục bất không, thế bất thành Phật*” (địa ngục chẳng trống, thế chẳng thành Phật). Quý vị đọc kinh Địa Tạng, mở quyển kinh ra, sẽ thấy một điều chẳng hề thấy trong hết thảy các kinh khác: Trong số các vị thượng thủ của đại chúng [tham dự pháp hội của] Địa Tạng Bồ Tát, mười phương chư Phật Như Lai đều đến tham gia pháp hội. Chư Phật Như Lai là ai? Toàn bộ đều là học trò của Địa Tạng Bồ Tát. Hết thảy học trò của Địa Tạng Bồ Tát đều đã thành Phật, Ngài vẫn còn làm Bồ Tát. Điều này nhằm bảo chúng ta: Bồ Tát phải nên có tâm lượng như vậy, chính mình thì cần gì phải lo [sớm được] thành tựu? Đúng là toàn tâm toàn lực giúp đỡ người khác. Giúp đỡ chúng sanh căn cơ chín muồi, khiến cho họ thành Phật trước; giúp kẻ căn tánh chưa chín muồi được chín muồi, giúp kẻ thiếu căn tánh gieo thiện căn. Tâm nguyện của Bồ Tát viên mãn; đúng là chẳng bỏ một ai! Hữu duyên thì Bồ Tát độ kẻ ấy; vô duyên, Bồ Tát bèn kết duyên với kẻ đó để đời sau, kiếp sau [trở thành] hữu duyên, chúng ta phải học tập chuyện

này. Đặc biệt là trong Đại Thừa, nhất là Tịnh Tông, Tịnh Tông phải lấy bốn nguyện của Phật Di Đà làm nguyện lực của chính mình, A Di Đà Phật đứng là chẳng bỏ một ai. Vì thế, Bồ Tát có nghĩa là Giác Hữu Tình. “*Bồ Tát nhị tự tắc thị tối lược giả dã*” (hai chữ Bồ Tát là giản lược nhất), đó là tinh lược, người Hoa chuộng đơn giản, cho nên chỉ nói là Bồ Tát, lược bớt âm cuối.

Tiếp đó, [lời chú giải] ghi: “*Vân hà vi Đại Đạo Tâm Chúng Sanh*” (vì sao gọi là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh?), đây là giải thích cho chúng ta [ý nghĩa của chữ Bồ Tát theo lối] cổ dịch. “*Dĩ cụ tứ chủng đại cố*” (do có đủ bốn thứ Đại), Bồ Tát nhất định trọn đủ bốn thứ Đại ấy. “*Tứ chủng giả*” (bốn thứ là), Thanh Lương Sớ giảng rất khéo. “*Nhất giả, nguyện đại, cầu đại Bồ Đề cố*” (một là nguyện đại vì cầu đại Bồ Đề). Đây là điều kiện đầu tiên của Bồ Tát, chúng ta thường gọi đại nguyện này là “phát Bồ Đề tâm”, đây là “nguyện đại”. Đối với Bồ Đề tâm, nay chúng tôi nói rõ ràng hơn, thêm vào mấy chữ nữa. Tâm chân thành là Thể của Bồ Đề tâm; bốn thể của Bồ Đề tâm là chân thành, chân thật, chẳng giả. “*Thành*” (誠) là chẳng hư ngụy. Học Phật, nếu là học Đại Thừa, đối với hết thầy người, đối với hết thầy sự, đối với hết thầy vạn vật, chúng ta nhất định phải dùng tâm chân thành. Tâm chân thành là Tự Thọ Dụng, tức là Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Chánh Giác như đã nói trong tựa đề kinh chính là Tự Thọ Dụng. Đối với chính mình, dùng tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, giác, đối người khác là đại từ đại bi. Từ là ban vui, Bi là dẹp khổ. Chúng ta cần phải dùng trí huệ như thế nào, phương pháp ra sao để giúp người khác lìa khổ được vui, đó là Bồ Đề tâm.

Hiện thời, chúng sanh trong thế gian này gặp quá nhiều khổ nạn, khổ nạn do đâu mà có? Do mê hoặc mà có. Đã biết như thế, chúng ta dùng phương pháp gì để giúp họ? Hãy giúp họ giác ngộ. Dùng phương pháp gì để giúp họ giác ngộ? Thân hành và ngôn giáo. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời nêu gương, chúng ta nhìn vào đó phải hiểu, phải học theo Ngài. “*Thân hành*” tức là những gì Ngài đã nói Ngài đều làm được toàn bộ, chẳng giả tí nào, trong và ngoài như nhau. Đức Phật có vì chính mình hay chẳng? Nói thật cùng quý vị, vì chính mình! Hết thầy chúng sanh là chính mình, ta và người chẳng hai, vì người khác mới là thật sự vì chính mình. Vì chính mình mà chẳng biết vì chính mình, như vậy là sai rồi. Vì thế, dạy chúng ta giác ngộ, giác ngộ điều gì? Giác ngộ pháp môn Bất Nhị. Toàn thể vũ trụ là một Thể! Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy chúng ta: Hết thầy chúng sanh và chư Phật Như Lai có cùng một tâm, một nguyện, một trí huệ, cho đến mười lực, bốn vô úy, mười tám pháp Bất Cộng, không có gì chẳng giống nhau. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật dạy chúng ta hãy thật sự nhận thức chính mình, chính mình và toàn thể vũ trụ là một, chẳng hai, vĩnh viễn chẳng tách rời. Chúng sanh gặp nạn là chính mình bị khổ nạn, chúng sanh lìa khổ là chính mình lìa khổ, chúng sanh được vui là chính mình được vui, ta và người chẳng hai. Do vậy, như thế nào thì quý vị sẽ có thể nhập Phật môn? Quý vị thấy trong kinh luận đã dạy: Buông tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới xuống, quý vị sẽ nhập môn. Tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc chia thành năm loại lớn, đầu tiên là Thân Kiến, chấp trước thân này là ta; thân

chẳng phải là ta, trật mắt rồi! Chư Phật Như Lai minh tâm kiến tánh, minh tâm kiến tánh là chứng đắc Pháp Thân, Pháp Thân là gì? “Pháp” là hết thấy các pháp, hết thấy các pháp đều là thân của ta, đó là Pháp Thân. Chấp trước thân này là ta, vứt bỏ thân khác, giống như đối với cái thân của quý vị, chấp trước một sợi lông là ta, những thứ khác đều chẳng phải là ta! Chúng ta nói kẻ ấy mê mắt rồi. Nay chúng ta là kẻ mê, chẳng biết vạn sự vạn vật trong toàn thể vũ trụ và chính mình là một thể, một tâm, một trí huệ.

Người kiến tánh mới thật sự hiểu rõ, chẳng còn có phân biệt nữa, chăm sóc hết thấy chúng sanh giống như chăm sóc chính mình, coi hết thấy chúng sanh như người nhà, quyền thuộc của chính mình. [Cách nhìn như vậy] vẫn còn cách biệt một tầng, trên thực tế là chăm sóc chính mình. Mỗi vị Pháp Thân Bồ Tát đều có cách nhìn và cách nghĩ như vậy, vì sao? Chân tướng sự thật [là như vậy]. Trước kia, chúng ta đã học bộ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ đại sư, chẳng phải là chuyện này đã được Ngài giảng rất rõ ràng, minh bạch rồi hay sao? Từ một Thể khởi hai tác dụng, một Thể là tự tánh. Quý vị thấy đầu kinh này nêu tên ngài Liễu Bồn Tế, tức tôn giả Kiều Trần Như. Bồn Tế là lý thể, sách Hoàn Nguyên Quán [gọi Bồn Tế] là “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”, đó là Bồn Tế. Y báo và chánh báo trang nghiêm đều do tự tánh biến hiện, cùng một Thể, có sao quý vị nói chúng chẳng phải là chính mình? Há có lẽ ấy! Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường bảo: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng*”. Tâm là chính mình, thức là chính mình, tâm là chân tâm của chính mình, thức là vọng tâm của chính mình, chân - vọng chẳng hai! Đức Phật bảo chúng sanh đã mê rồi, mê ở chỗ nào? Mê ở chỗ này, chẳng biết hết thấy các pháp do tánh thức của chính mình biến hiện, dấy lên phân biệt, chấp trước, đối lập ở trong ấy, nảy sanh mâu thuẫn, trật mắt rồi, lầm lẫn quá đỗi! Kinh Phật dạy những đạo lý này, nói về những chân tướng sự thật này. Nếu những nhà khoa học hiện thời có thể tìm hiểu kinh Phật, tôi tin tưởng cảnh giới của họ sẽ được nâng cao với một mức độ lớn, nhập vào cảnh giới của Phật, Bồ Tát. Trong Lượng Tử Lực Học đã nói đến A Lại Da, chỉ cần chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, họ bèn viên thành Phật đạo. Cách chuyển ra sao? Buông xuống là chuyển, buông khởi tâm động niệm xuống, thông đạt, hiểu rõ hết thấy các pháp, đầy là quả vị của Như Lai, trong Phật pháp gọi chuyện này là “chứng đắc”.

Nguyên đại thì chẳng thể không có đại nguyện. Nghĩ đến chính mình, nhất định phải nghĩ đến chúng sanh, nhất là chúng sanh đang mê hoặc, điên đảo, chúng ta dùng phương pháp gì để giúp họ giác ngộ? Hiện thời chúng sanh tham đắm, tham tài, tham sắc, bản thân chúng ta hãy buông những thứ ấy xuống, buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, rất muốn buông xuống, nhưng buông chẳng được là do nguyên nhân nào? Trong Phật pháp thường nói: “*Nghiệp chướng của chính mình quá nặng*”, thật đấy, chẳng giả đâu! Nguyên nhân thứ hai là do chưa hiểu rõ chân tướng sự thật! Nghiệp chướng sâu nặng là Phiền Não Chướng, chưa hiểu rõ chân tướng là Sở Tri Chướng, đó là Nhị Chướng. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện thân hành, ngôn giáo; thân hành giúp chúng ta phá Phiền Não Chướng, ngôn giáo giúp chúng ta phá Sở

Tri Chương. Ân đức của Phật đối với chúng ta quá lớn, vấn đề là chúng ta phải khéo học, phải biết học, biết học thì quý vị sẽ tiến bộ rất nhanh. Thế nào là biết học? Biết học là quý vị hiểu rõ rồi thật sự làm, đó gọi là “biết”. “Thật sự làm” là gì? Buông xuống là thật sự làm, thấy thấu suốt là hiểu rõ. Chúng ta hãy nghĩ xem Thích Ca Mâu Ni Phật có thứ gì chẳng buông xuống được? Ngài suốt đời nêu gương cho chúng ta, thật sự buông xuống. Quý vị thấy bản thân Ngài có tự tư tự lợi hay chẳng? Có thấy tiếng tăm, lợi dưỡng hay chẳng? Nơi thân đức Phật có tập khí tham, sân, si, mạn hay không? Còn có hiện tượng tham luyến ngũ dục, lục trần hay chẳng? Chúng ta nhìn kỹ lưỡng, hoàn toàn chẳng có! Thuở tại thế, đức Thế Tôn thường ở dưới cội cây, chẳng ở trong nhà. Toàn bộ đều làm cho chúng ta thấy, đặc đại tự tại. Nếu nói theo cách bây giờ, sự tự tại ấy chính là trong tâm chẳng lo nghĩ, chẳng có áp lực tinh thần, thân tâm khỏe mạnh, đặc đại tự tại.

Điều thứ hai là Hạnh Đại, Hạnh Đại chính là “*nhị lợi thành tựu cố*” (do thành tựu tự lợi và lợi tha), thật sự làm, y giáo tu hành. Nhị lợi là tự lợi và lợi tha, là cùng một chuyện, lợi tha chính là tự lợi, tự lợi chính là lợi tha, quyết định chẳng tách rời! Nay chúng ta chưa làm được, tự và tha tách rời, giới hạn rạch rời; đây là nguyên nhân khiến cho chúng ta vĩnh viễn chẳng nhập môn. Nếu chúng ta thật sự biết tự tha bất nhị, sẽ nhập môn chẳng khó! Nay ta tự lợi, nay ta nói cuộc sống của cá nhân ta là tự lợi, ta ăn uống mỗi ngày chỉ nhằm duy trì thân mạng, quần áo nhằm giữ cho ta ấm áp. Đó là tự lợi, chẳng sai! Nhưng vì sao ta cần tới thân thể này? Cần tới thân thể này nhằm phục vụ người khác. Đó là lợi tha, là bất nhị. Vì sao ta hiện thời dừng mãi học hành khó nhọc ở nơi đây? Ta học thành công, sẽ nêu gương cho kẻ khác nhìn vào, giảng giải những đạo lý và chân tướng sự thật ấy cho kẻ khác nghe, đó là lợi tha, là một, chẳng hai! Nếu sau khi ta học thành công, trong tương lai làm đại pháp sư, trong tương lai sẽ đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng trong Phật môn, trật rồi! Như vậy là quý vị đã hoàn toàn đi ngược lại Phật pháp, vì sao? Quý vị có hai, Phật pháp chẳng hai; hãy vĩnh viễn ghi nhớ: Nhập pháp môn Bất Nhị. Ta thấy người khác nay đang chịu khổ mắc nạn, chính mình phải dụng công gấp bội, vì sao? Ta thành tựu sớm một ngày, kẻ ấy sẽ chịu khổ ít hơn một ngày, ta thành tựu chậm một ngày, người ấy phải chịu khổ thêm một ngày! Người khổ nạn đồng như thế đang ở trước mặt, đốc thúc quý vị ngay lập tức dụng công, quý vị trông thấy, chẳng thể không phát phần, chẳng thể không nghiêm túc. Vì thế, những chúng sanh khổ nạn ấy đang thị hiện trước mặt chúng ta, đốc thúc chúng ta nghiêm túc thật sự tu tập hồng sớm có ngày thành tựu. Quý vị nói xem họ là phàm phu hay là Phật? Chẳng phải là Phật, chẳng phải là phàm phu, tùy thuộc quý vị có cách nhìn như thế nào! Nếu quý vị có cách nhìn giống như Thiện Tài đồng tử, trừ chính mình ra, hết thấy chúng sanh đều là thiện tri thức, đều là thầy của chính mình thì sau khi thành tựu cũng giống hệt như chư Phật, Bồ Tát, thị hiện đủ mọi hình tướng hồng giúp đỡ chúng sanh có căn cơ chín muồi. Ta và người phân chia theo cách nào? Thật sự là chẳng tách rời! Đây là cửa ải đầu tiên để người thật sự học Phật khế nhập cảnh giới của Phật, rất khó đột phá cửa ải này, không có đại nguyện và đại hạnh sẽ rất khó khăn.

Thứ ba, “*thời đại, kinh tam vô số kiếp có*” (thời đại, vì trải qua ba vô số kiếp). Kiếp (kalpa) là đơn vị thời gian rất dài, phải trải qua bao nhiêu kiếp? Vô số kiếp, lại còn phải trải qua ba lần vô số kiếp nên đây là một công việc lâu dài, chẳng phải là một khoảng thời gian ngắn ngủi. Chúng ta phải biết: Tu hành trong thế giới này phải trải qua thời gian dài ngàn ấy. Chúng ta mong sớm có ngày thành tựu, hồng sớm có ngày giúp đỡ chư Phật Như Lai hóa độ chúng sanh, giống như Văn Thù, Phổ Hiền, Ca Diếp, A Nan. Chúng ta thấy người khác thành Phật, bèn thị hiện làm đệ tử hay làm ngoại hộ của người ấy, khẳng định là như thế, thành tựu đại nghiệp hóa độ chúng sanh của Phật Đà. Phải mong rút ngắn thời gian, phải nghe lời đức Phật khuyên cáo, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, gần gũi A Di Đà Phật, thời gian sẽ được rút ngắn với một mức độ to lớn. Quý vị thấy ở đây là “*trải qua ba vô số kiếp*”, kinh Quán Vô Lượng Thọ nói niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc sẽ đạt phẩm vị gì? Hạ phẩm hạ sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, là phẩm vị thấp nhất trong thế giới Cực Lạc, tu hành trong thế giới Cực Lạc, phải tu bao lâu mới viên mãn thành Phật? Trong kinh, đức Phật bảo là mười hai kiếp. Kẻ hạ hạ phẩm vãng sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đến thế giới Cực Lạc, mười hai kiếp sẽ viên mãn, chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Ba vô số kiếp so với mười hai kiếp, thời gian rút ngắn khiến chúng ta chẳng dám tưởng tượng nổi! Thật đấy, chẳng giả đâu! Đức Phật chắc chắn chẳng vọng ngữ, chúng ta phải tin tưởng!

Do vậy, sau khi hiểu rõ chân tướng sự thật này, nhiều vị cổ đại đức xưa kia đã buông hết những kinh giáo và pháp môn khác xuống, suốt đời hành một môn này. Rất nhiều vị cổ đại đức cả đời niệm một bộ kinh Vô Lượng Thọ, niệm một câu A Di Đà Phật, những vị đó ai nấy đều vãng sanh. Còn nữa, tuyệt đại đa số trong ấy, có thể nói là đến tám hay chín phần trong mười phần, tỷ lệ như vậy đó, ba năm đã làm xong. Căn cứ vào đâu mà chúng ta có con số ấy? Từ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, từ Vãng Sanh Truyện trong Đại Tạng Kinh, quý vị thấy người xuất gia, kẻ tại gia niệm Phật vãng sanh phải niệm bao lâu? Ba năm hoặc năm năm bèn thành công, đã vãng sanh. Chúng ta hiểu rất rõ ràng, nhất định chẳng phải là họ niệm Phật ba năm hoặc năm năm, do đã hết tuổi thọ [nên vãng sanh], chẳng phải vậy! Mà do chính mình công phu đã thành tựu, thỉnh cầu A Di Đà Phật đến tiếp dẫn sớm hơn. Các điều kiện đã hội đủ rồi, đã thực hiện Tín - Nguyện - Hạnh viên mãn, thật sự tin tưởng, thật sự phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật, ta muốn học hết thầy kinh luận, pháp môn thì đến thế giới Cực Lạc sẽ lại học. Trước tiên, ở thế giới này, chỉ giữ lấy thế giới Cực Lạc, hoàn toàn chẳng quan tâm đến những điều khác. Như thế thì sẽ thành tựu với tốc độ nhanh chóng ngàn ấy. Chuyện này là thật, chẳng giả. Ngoài Vãng Sanh Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và bút ký của cổ nhân ra, trong một đời này, chúng tôi đã thật sự thấy chuyện này: Người đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, đều là biết trước lúc mất, lâm chung chẳng ngã bệnh, ra đi tự tại và tiêu sái đường ấy, chẳng phải là lừa người. Họ là hạng nhất trong những người học Phật, ngài Kiều Trần Như làm đại biểu, là đệ tử bậc nhất của Như Lai.

Điều kiện thứ tư là “*đức đại, cụ túc Nhất Thừa chư công đức cố*” (đức đại, do trọn đủ các công đức Nhất Thừa). Nhìn vào bốn điều đại này, đức đại khó lắm! Chúng ta phải như thế nào mới trọn đủ hết thầy công đức Nhất Thừa? Thừa quý vị, thật sự phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm, tôi chẳng nói nhất tâm, nhất tâm chẳng dễ gì làm được, mà là nhất hướng (một bề), nhất hướng chuyên niệm quý vị sẽ trọn đủ các công đức Nhất Thừa. Nhất Thừa là một Phật Thừa. Chỉ cần trong tâm quý vị có A Di Đà Phật, sẽ trọn đủ các công đức Nhất Thừa, chẳng phải là Đại Thừa, Đại Thừa chẳng sánh bằng Nhất Thừa, Đại Thừa là Bồ Tát, Nhất Thừa là chư Phật Như Lai. Công đức thù thắng khôn sánh, chẳng khó khăn gì!

Hiện thời mọi người đều biết, trên quả địa cầu này phát sanh tai nạn. Các khoa học gia thuộc cơ quan vũ trụ và hàng không của Mỹ, đứng ra là các khoa học gia thuộc cơ quan quản trị vũ trụ (NASA) của Mỹ, đã cho biết rất có thể là Ngân Hà sẽ thẳng hàng¹, giống như người Mã Nhã (Maya) đã tiên đoán, họ nói vào năm 2012. Các khoa học gia thuộc cơ quan quản trị vũ trụ nói không phải là 2012 mà là 2013, họ cũng cảnh cáo, một

1 Đây là một hiện tượng “giả thuyết” được mệnh danh gọi là Galactic Aligment. Trong Thái Dương Hệ, mặt trời và các hành tinh hầu như cùng thuộc một mặt phẳng thường được gọi là mặt phẳng hoàng đạo (plane of ecliptic). Nhìn từ Trái Đất, hoàng đạo chính là quỹ đạo mà mặt trời chuyển động trên bầu trời để mọc và lặn mỗi ngày (do trong thực tế, trái đất xoay quanh mặt trời, chứ không phải mặt trời xoay quanh trái đất, nên sự “chuyển động” của mặt trời trên “hoàng đạo” được gọi là chuyển động biểu kiến). Trên hoàng đạo có mười hai chòm sao mà mặt trời phải lần lượt đi qua (do vậy, từ vì Tây Phương mới lập ra khái niệm mười hai cung hoàng đạo, thường gọi là Zodiac). Theo chu kỳ, mặt trời sẽ chậm lại một độ vào mỗi bảy mươi hai năm, tức là chậm lại một cung hoàng đạo mỗi 2.160 năm. Sự thay đổi này được gọi là Tuế Sai (Precession). Sau khoảng 26.000 năm, Bắc Cực sẽ vạch đủ một vòng tròn, tức là mặt trời bị chậm lại đúng 360 độ. Thuyết “Ngân Hà thẳng hàng” được một người chuyên chủ trương chủ nghĩa bí truyền là John Major Jenkins (ông này chỉ là một nhà văn, không trực thuộc một cơ quan nghiên cứu hàng không vũ trụ nào và cũng chẳng có học vị gì về thiên văn) đưa ra vào năm 1990 dựa trên sự kiện lịch cổ của người Maya chấm dứt vào ngày Đông Chí năm 2012, tức ngày 21 tháng 12. Jenkins cho rằng người Maya đã quan sát Great Rift, tức một đám mây bụi tối dọc theo Ngân Hà, họ gọi nó là Xibalba. Jenkins cho rằng người Maya đã nhận biết sự giao nhau giữa Great Rift và đường hoàng đạo. Theo giả thuyết đó, mặt trời sẽ thẳng hàng chính xác với đường xích đạo của Ngân Hà vào ngày Đông Chí năm 2012. Từ đó, những người theo chủ nghĩa Mặt Thế (Tận Thế) cũng như theo trào lưu New Age cho rằng năm 2012 sẽ đánh dấu một kỷ nguyên mới, kết thúc thế giới hoặc vô số tai ương. Họ còn cho rằng Mặt Trời sẽ có bão từ cực đại hoặc thế giới sẽ hủy diệt do va chạm của Trái Đất với một lỗ đen hay hành tinh Nibiru (các nhà thiên văn không công nhận có hành tinh này). Các nhà thiên văn như David Morrison chẳng hạn cho rằng xích đạo của Ngân Hà không cố định và không bao giờ có thể vẽ chính xác, do đó, khó thể có hiện tượng Ngân Hà thẳng hàng. Dựa trên niềm tin này, rất nhiều thuyết tận thế được đưa ra và đều gán cho NASA như cơ quan thẩm quyền đã lưu hành tuyên bố đó, nhưng nếu ta kiểm lại trong trang nhà của NASA thì không hề thấy những thông tin đó! NASA phải dành riêng một vài trang để trả lời về câu hỏi liệu thế giới có chấm dứt vào năm 2012 hay không (tham khảo <http://www.nasa.gov/topics/earth/features/2012.html>). Đồng thời những nhà nghiên cứu văn hóa Maya cũng cho biết trong các thư tịch của người Maya không hề thấy nhắc đến thuyết tận thế như những nhà “giả khoa học” khẳng định.

con bão mặt trời có thể gây tổn hại nghiêm trọng cho địa cầu. Tất cả các thiết bị khoa học rất có thể bị mất điện, toàn thể địa cầu mất điện. Phàm những máy móc dùng điện, như máy bay, tàu thủy trong hiện thời, hệ thống thông tin, vệ tinh truyền thông hoàn toàn chẳng sử dụng được, giống như tòa cao ốc chúng ta đang ở, thang máy chẳng chạy, những đồ dùng bằng điện trong gia đình đều ngưng hoạt động, đèn điện chẳng thắp sáng, điện thoại chẳng hoạt động, mang lại ngàn ấy khó khăn cho chúng ta! Tai nạn ấy phỏng chừng mất bao lâu mới có thể khắc phục? Phỏng đoán là phải mười năm mới có thể khôi phục, chuyện này phiền phức rất lớn. Chúng ta ban ngày chẳng nhìn thấy mặt trời, một bầu đen kịt², họ nói trong khoảng thời gian phỏng chừng từ ba bốn tháng đến

2 Những điều này không hề thấy trong các thông tin về bão mặt trời (Solar flare). Năm 1989, một cơn bão mặt trời đã khiến cho hệ thống điện tại Quebec ngưng hoạt động trong vòng vài giờ. Bão mặt trời là hiện tượng bình thường trong chu kỳ hoạt động mười một năm của mặt trời, mặt trời phóng ra một lượng lớn điện tử, ion và nguyên tử tạo thành một đám mây từ tính gây ảnh hưởng đến các tinh tú trong Thái Dương Hệ. Nó sẽ gây ra các trận bão địa từ (geomagnetic storm) trên trái đất, khiến các thiết bị điện tử và mạng điện bị ảnh hưởng, nhiễu loạn hệ thống radio sử dụng các làn sóng ngắn, phi thuyền v.v... nhưng không làm cho bầu trời tối đen như trong các “báo cáo khoa học” của những người theo chủ thuyết tận thế. Mặt trời đã hoạt động rất mạnh trong ngày 13 tháng 07 vừa qua, nhưng chúng ta chẳng thấy có tổn thất gì đáng kể! Những thông tin được nói ở đây là do hòa thượng đọc từ các báo cáo được đăng tải tùy tiện trên Internet do các đồng tu in ra, đưa cho Ngài. Các vị đồng tu ấy nhiều khi không suy xét kỹ, không kiểm tra kỹ lưỡng tính chính xác của các thông tin ấy từ các cơ quan khoa học có thẩm quyền, mà chỉ dựa vào những lời quyết đoán của các nhà giả khoa học đội lốt các nhà nghiên cứu. Chẳng hạn như bà Lynne McTaggard, một tác giả thường viết nhiều về tận thế, đã được các trang nhà (homepage) của người Hoa viết về tận thế gán cho danh hiệu là một “khoa học gia người Mỹ nổi tiếng” thật ra chỉ là một nhà báo, một nhà diễn giảng không chuyên nghiệp, chưa hề làm việc tại một trường đại học nào, chưa từng có công trình nghiên cứu nào, chỉ tự tuyên bố đã tự chữa được căn bệnh “nan y” của chính mình, và in cuốn What Doctors Don’t Tell You để chỉ trích việc chích vaccine cho trẻ nhỏ, cũng như xuất bản nhiều sách để trình bày luận thuyết, suy diễn của chính mình về vũ trụ, thiên văn v.v... Các “công trình nghiên cứu” của bà ta đã bị phê bình là lẫn lộn giữa kiến thức thật sự và những niềm tin vô căn cứ, kiến thức lỏng lẻo, sai lạc, chẳng hạn làm lẫn thuốc cúm Tamiflu với vaccine, cũng như kết tội một loại vaccine chống cúm không hề tồn tại, đồng thời chứa đựng rất nhiều hiểu biết sai lầm về khoa học Lượng Tử. Do đại chúng xôn xao về chuyện này, Hòa Thượng bèn tiện dịp khuyên chúng ta hãy vững tâm tinh tấn tu hành hơn, tranh thủ thời gian tích cực tu hành mong sớm vãng sanh hồng viên thành Phật đạo. Nếu đọc kỹ, chúng ta sẽ thấy Ngài khuyên chúng ta nên tinh tấn tu hành, đừng hoảng sợ. Nếu Ngài thật sự tin thế giới hủy diệt thì trong đoạn sau, Hòa Thượng sẽ chẳng nói: “*Vì thế, tôi*

nửa năm chẳng thể thấy mặt trời, có thể sẽ gặp tai nạn như vậy. Vì thế, người học Phật chúng ta, tôi thường nói với mấy đồng tu khá gần gũi đôi chút, trong tâm chúng ta chẳng kinh hãi tí nào, chẳng hề hoảng sợ, chúng ta chẳng tham sống, sợ chết, chúng ta phải định kỳ hạn vãng sanh vào lúc nào? Nhằm cuối năm 2012. Nếu chuyện ấy phát sanh thì chúng ta đã đi trước rồi, tai nạn ấy hữu ích cho chúng ta, giúp chúng ta tiến hơn, thúc chúng ta phải nhanh chóng tu hành, kéo trễ tràng chẳng kịp, lại phải luân hồi. Luân hồi rất khổ, ta chẳng còn luân hồi nữa! Thời gian của chư vị còn dài lắm, sống thọ cả trăm tuổi, [hãy nghĩ] thọ mạng của ta chỉ có hai năm, thời gian đã định rồi, cũng là biết trước lúc mất, triệt để buông xuống, chuyện đáng làm là hãy nhanh chóng tích công lũy đức, chớ nên làm chuyện hồ đồ nữa! Vì thế, tôi dùng thời gian này để cùng mọi người học kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, hy vọng bộ kinh này có thể lưu truyền hậu thế, tôi tin tưởng [kinh này sẽ] phổ độ các chúng sanh trong hơn tám ngàn năm nữa. Pháp sẽ chẳng bị diệt, chúng sanh quay đầu thì Phật, Bồ Tát bèn đến! Chúng ta liễu giải kinh Vô Lượng Thọ và danh hiệu A Di Đà Phật có công đức chẳng thể nghĩ bàn!

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới, *“thử diệc hàm nhiếp Pháp Hoa chi lục đại”* (điều này cũng bao gồm [giáo nghĩa] sáu đại trong Pháp Hoa), [trong bản chú giải] kinh Pháp Hoa [của Trí Giả đại sư] có nói tới sáu đại. Điều thứ nhất trong sáu đại là *“tín đại pháp”*. Pháp môn này là đại pháp, không có pháp môn nào có thể phổ độ chúng sanh trong chín ngàn năm cuối thời Mạt Pháp của đức Thế Tôn, chỉ có pháp này. Cổ đại đức đã chứng minh cho chúng ta thấy Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đến cuối cùng đều quy vào Tịnh Độ, đều quy vào kinh Vô Lượng Thọ, chúng tỏ pháp này là đại pháp, phải tin tưởng, quyết định đừng hoài nghi. [Điều thứ hai là] *“giải đại nghĩa”*, ngày nay chúng ta may mắn đường ấy, suốt hai ngàn năm qua, kinh Vô Lượng Thọ chẳng có một bản hoàn thiện, quý vị đọc các bản dịch gốc cảm thấy rất khó khăn, đâu có bản nào đọc trôi chảy, thông suốt, hoan hỷ, chẳng có chướng ngại như bản này! Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ lại viết lời giảng nghĩa để giảng giải, [đó là] giải đại nghĩa. [Điều thứ ba là] *“phát đại tâm”*, phát đại tâm là thật sự phát tâm cầu sanh Tịnh Độ. [Điều thứ tư là] *“xu đại quả”* (tiến đến đại quả), tức là một phương hướng, một mục tiêu, một bề chuyên niệm, hết thầy thời, hết thầy chỗ, trong tâm thường nghĩ đến A Di Đà Phật, trong tâm thật sự có Phật. [Điều thứ năm và sáu là] *“tu đại hạnh, chứng đại đạo”*, mỗi ngày đọc tụng, niệm Phật

dùng thời gian này để cùng mọi người học kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, hy vọng bộ kinh này có thể lưu truyền hậu thế, tôi tin tưởng [kinh này sẽ] phổ độ các chúng sanh trong hơn tám ngàn năm nữa” và *“thầy bảo tôi, phải có lòng tin nơi Phật, Phật pháp sẽ chẳng diệt vong, cũng có nghĩa là thế giới này chẳng phải sẽ chấm dứt như người ngoại quốc nói. Có tai nạn là thật, nhưng chẳng thể tận thế, trong nhà Phật chẳng có thuyết tận thế”*.

chính là tu đại hạnh. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho dù là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng là chứng đại đạo, vì sao? Mười hai kiếp bèn viên mãn. “*Dĩ cụ thượng thuật chư đại cố, danh vi Đại Đạo Tâm Chúng Sanh*” (do trọn đủ các điều đại như đã nói trên đây, nên gọi là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh), giải thích chữ Bồ Tát như vậy đó.

Tiếp đó, cụ Niệm Tổ giới thiệu Phổ Hiền Bồ Tát (Samantabhadra). “*Phổ Hiền diệc danh Biện Cát*” (Phổ Hiền còn gọi là Biện Cát), Biện (遍) là phổ biến, trọn khắp pháp giới hư không giới; Cát (吉) là cát tường. “*Thanh Lương Sớ vị Phổ Hiền hữu tam*” (Thanh Lương Sớ giảng có ba loại Phổ Hiền), nói đến ba loại, nhưng trên thực tế, Phổ Hiền rất nhiều. Thừa quý vị, người thật sự phát tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy chính là Phổ Hiền Bồ Tát. Vì sao? Tựa đề của phẩm thứ hai trong kinh này là Đức Tuân Phổ Hiền, chúng ta biết Tây Phương Cực Lạc thế giới là cảnh giới của pháp môn Phổ Hiền, những vị Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc đều có thể gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Chúng ta phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn là Phổ Hiền Bồ Tát. Chúng ta chưa tu mười đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, nhưng một câu A Di Đà Phật đã gồm trọn mười đại nguyện, chẳng thể nghĩ bàn. Đức đại, [tức là] đức của Phổ Hiền đại sĩ ở ngay trong một câu danh hiệu này, nói cặn kẽ là trong bộ kinh Vô Lượng Thọ này toàn là nói về đức của Phổ Hiền đại sĩ, tuyệt diệu thay! Chữ “*Thanh Lương*” chỉ bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, [trong bộ sớ giải kinh] Tứ Thập Hoa Nghiêm [của ngài Thanh Lương] có câu: “*Đệ nhất cá vị tiền, đản phát Phổ Hiền tâm*” (thứ nhất là Vị Tiền, chỉ phát tâm Phổ Hiền). Nay chúng ta phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đó là tâm Phổ Hiền, nay chúng ta là Vị Tiền Phổ Hiền. Thứ hai là “*vị trung*”, tức là đang thuộc vào địa vị này, đó là Đẳng Giác Bồ Tát. Thứ ba là “*vị hậu*”, vị hậu là đã thành Phật, “*thành Phật bất xả nhân hạnh*”, có nghĩa là “*vị thành Phật nhưng bất xả nhân địa đích tu hành*” (ý nói đã thành Phật, vẫn chẳng bỏ sự tu hành trong lúc tu nhân). Thành Phật, đắc quả tức là thành Phật; sau khi thành Phật, vẫn dùng thân phận Bồ Tát để giúp A Di Đà Phật tiếp dẫn chúng sanh trong mười phương cõi nước. Dùng thân phận Bồ Tát vì thân phận Bồ Tát thuận tiện, thân phận Phật chẳng thuận tiện. Phật là sư đạo, sư đạo là tôn sư trọng đạo, chẳng thuận tiện; Bồ Tát là đồng học, [Bồ Tát và chúng sanh sẽ được hóa độ] là đồng học lớp trước và lớp sau, thuận tiện rất nhiều! Vì thế, chư Phật Như Lai giáo hóa chúng sanh, rất ít khi dùng thân phận Phật, mà dùng thân phận Bồ Tát, như ba mươi hai ứng thân đã nói trong Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm, nên dùng thân gì để độ kẻ khác bèn thị hiện thân ấy. Thầy đều là Phổ Hiền Bồ Tát.

“*Sớ vị Phổ Hiền chi nghĩa vi: Quả vô bất cùng viết Phổ, bất xả nhân địa viết Hiền*” (Lời sớ giảng ý nghĩa của [danh hiệu] Phổ Hiền: “Quả không gì chẳng cùng tốt là Phổ, chẳng bỏ sự tu hành trong lúc tu nhân là Hiền”), tách hai chữ ra để giảng. “*Thử tức Vị Hậu chi Phổ Hiền, thị vi Như Lai chi hóa hiện dã*” (Đây là Vị Hậu Phổ Hiền, do Như Lai hóa hiện). Hóa Thân của Phật, toàn bộ ba mươi hai ứng thân là Hóa Thân của Phật,

dầu hóa hiện làm Phật, vẫn là Hóa Thân. Thuở tại thế, thân của Thích Ca Mâu Ni Phật là thân gì? Ứng Hóa Thân, chẳng phải là Báo Thân. Chúng ta chẳng thấy Báo Thân, Báo Thân quá lớn. Báo Thân của Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ thấy Báo Thân của A Di Đà Phật, quý vị phải biết: Thấy được Báo Thân của A Di Đà Phật tức là bản thân quý vị đã chứng đắc Báo Thân. Nếu quý vị chẳng chứng đắc Báo Thân, sẽ chẳng thể thấy Báo Thân của Phật. Do vậy, nói chung, thấy Phật trong cõi ĐỒNG CƯ thì vẫn là thấy Ứng Hóa Thân, tới khi nào sẽ thấy Báo Thân của Phật? Minh tâm kiến tánh. Cũng chính là như tôi vừa mới nói: Hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh ĐỒNG CƯ, tu hành nơi ấy mười hai kiếp, quý vị chứng đắc Báo Thân; do quý vị đã thành Phật nên trong Tây Phương Cực Lạc thế giới quý vị thấy Báo Thân của A Di Đà Phật. Lúc ấy mới thật sự là A DUY VIỆT TRÍ BỒ TÁT. Trước lúc đó, A DUY VIỆT TRÍ BỒ TÁT của quý vị là do bồn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, chẳng phải là quý vị thật sự đạt được, nhưng trí huệ, thần thông, và đạo lực của quý vị chẳng khác A DUY VIỆT TRÍ BỒ TÁT. Trong thế giới của mười phương chư Phật chẳng có điều tốt đẹp này, chỉ riêng thế giới Cực Lạc là có, quý vị hãy suy nghĩ, có nên sang nơi ấy hay chẳng? Không chỉ nên đi, mà còn nên đi ngay cho nhanh. Đừng lưu luyến thế gian này nữa! Lưu luyến thế gian này, nếu chính mình chẳng vững vàng, quý vị chẳng thể nào không tạo nghiệp. Do đó, quý vị phải suy nghĩ cẩn thận về sự khác biệt một trời một vực giữa lẽ lợi - hại, được - mất trong hai chỗ tu hành này, kẻ thông minh phải nên biết chọn lựa như thế nào!

“*Chi u Hội Sớ vân*” (Còn như sách Hội Sớ nói), Hội Sớ là bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ của người Nhật, có những câu như thế này cũng nhằm giải thích [danh hiệu] Phổ Hiền: “*Thế biến pháp giới*” (Thế trọn khắp pháp giới), đó là ý nghĩa Phổ, “*vi lân cực thánh*” (địa vị gần với đấng thánh tột bậc), nên gọi Hiền. Đây cũng là Vị Trung Phổ Hiền, tức Đẳng Giác Bồ Tát. Giảng rõ cho chúng ta biết ý nghĩa của Phổ Hiền Bồ Tát. “*Hội Sớ hựu vân: Năng đạo ngự nhất thiết*” (sách Hội Sớ lại nói: “Có thể hướng dẫn, chế ngự hết thảy”), đạo (導) là dẫn đạo (引導: hướng dẫn), chỉ đạo, ngự (御) là thống ngự (統御: cai quản, kiểm chế), mang ý nghĩa dẫn dắt, lãnh đạo, chữ “*nhất thiết*” chỉ chúng sanh. Đối với chúng sanh thuộc mười pháp giới trong hết thảy các cõi Phật đều có năng lực giúp đỡ, chỉ dạy, dìu dắt chúng sanh. “*Phát thập đại nguyện vương, nguyện Tây Phương vãng sanh, đặc dực tán Di Đà*” (phát ra mười đại nguyện vương, nguyện vãng sanh Tây Phương hồng đặc biệt khen ngợi, giúp đỡ đức Di Đà), giúp đỡ A Di Đà Phật, “*có u thử kinh thị vi thượng thủ*” (nên trong kinh này, Ngài là thượng thủ). Trong kinh này, Ngài đứng đầu trong các vị Bồ Tát nhằm biểu thị pháp, chúng ta đọc đến những đoạn này sẽ hiểu: “*Hựu Thám Huyền Ký viết: Đức châu pháp giới viết Phổ, chí thuận điều thiện viết Hiền*” (lại như sách Thám Huyền Ký giảng: “Đức bao trùm pháp giới là Phổ, hiểu thuận, nhu hòa đến cùng cực là Hiền”)³. Thám Huyền Ký là tác phẩm

3 Câu này khá khó dịch nên tạm dịch như thế. “Chí thuận” có nghĩa là hiểu thuận đến tột bậc, tức là thể hiện cái tâm cứu vớt chúng sanh tột bậc không ai sánh bằng, giống như lòng con hiếu

chú giải bộ Lục Thập Hoa Nghiêm của quốc sư Hiền Thủ, [Lục Thập Hoa Nghiêm] là bản dịch [kinh Hoa Nghiêm] đời Tấn. Trong tác phẩm ấy, lão nhân giảng: “Đức châu pháp giới”, tánh đức viên mãn là Phổ. “Chí thuận điều thiện”, Thuận (順) là gì? Người Trung Quốc nói là hiếu thuận, “điều” (調) là điều lý (調理: điều hòa, giữ cho cân bằng), Thiện là Chí Thiện (tốt lành tột bậc), người Hoa nói “minh đức, thân dân, chỉ u chí thiện”⁴, đó là ý nghĩa của chữ Hiền.

“Đại Nhật Kinh Sớ nhất viết” (Đại Nhật Kinh Sớ⁵ quyển một nói), đây là sách Mật Tông, “Phổ Hiền Bồ Tát giả, Phổ thị biến nhất thiết xứ, Hiền thị tối diệu thiện nghĩa, vị Bồ Đề tâm sở khởi nguyện hạnh, cập thân khẩu ý, tất giai bình đẳng, biến nhất thiết xứ, thuần nhất diệu thiện, bị cụ chúng đức, cố dĩ vi danh” (Phổ Hiền Bồ Tát: Phổ là khắp hết thảy các chỗ, Hiền nghĩa là sự lành màu nhiệm nhất; tức là nguyện hạnh do tâm Bồ Đề khởi lên và thân, miệng, ý thảy đều bình đẳng, trọn khắp hết thảy các chỗ đều là thuần nhất diệu thiện, đầy đủ các đức. Vì vậy, lấy đó làm tên). Cách giải thích này cũng rất rõ ràng, rành rẽ. Hai chữ Phổ và Hiền đều là tánh đức viên mãn, hết thảy chúng sanh chẳng ai không có, thảy đều có. Nay chúng ta mê mất tự tánh, tánh đức có còn hay không? Vẫn còn, chỉ là ẩn, chẳng hiện. Đã mê thì trí huệ biến thành phiền não, đức hạnh biến thành tạo nghiệp, chúng ta tạo nghiệp thiện, nghiệp ác, đức hạnh biến thành tạo nghiệp, tướng hảo biến thành lục đạo. Cũng có nghĩa là trí huệ và đức tướng trong tự tánh của chúng ta sau khi mê bèn bị biến dạng. Sự biến dạng ấy cũng chẳng

thảo với cha mẹ, luôn nghĩ đến phụng dưỡng cha mẹ, nên nói là “chí thuận”. “Điều thiện” là luôn tu dưỡng sao cho tương ứng với tánh đức (ở đây tánh đức được diễn tả bằng chữ Chí Thiện). Chúng tôi tạm dùng chữ Nhu Hòa để diễn tả sự tu dưỡng, điều ngự cái tâm cho đạt tới mức thánh thiện (tức là tương ứng với tánh đức), nói cách khác là giữ cho cái tâm luôn tương ứng với thanh tịnh và bình đẳng như lão hòa thượng thường nói.

4 Câu này trích từ sách Đại Học trong Tứ Thư của Nho gia, nói đầy đủ là: “Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chỉ u chí thiện”. Đại Học vốn là chương thứ bốn mươi hai trong sách Lễ Ký. Sách Tứ Thư Tập Chú của Châu Hy giảng: “Chữ Thân nên đọc là Tân. Đại học là cái học của bậc đại nhân. Minh là làm cho sáng tỏ. Minh đức là bản tánh được thừa hưởng tự nhiên, rỗng rang, sáng suốt, chẳng tối tăm, trọn đủ các lý để ứng với vạn sự. Thân (tức Tân) là đổi thay những cái cũ kỹ, ý nói đã tự thông hiểu minh đức lại giúp người khác cùng đạt đến chỗ bỏ những cái cũ kỹ, nhiễm ô”. Như vậy câu này có thể hiểu thô thiển là “đạo của bậc đại nhân là tự thấu hiểu chân tánh của chính mình, giúp cho người khác cùng sửa đổi khuyết điểm, cùng nhau đạt đến chỗ tốt lành nhất”.

5 Đại Nhật Kinh Sớ là tác phẩm chú giải kinh Đại Nhật do ngài Nhất Hạnh ghi lại lời ngài Thiện Vô Úy giảng kinh Đại Nhật (tức kinh Đại Tỳ Lô Giá Na Thành Phật Thân Biến Gia Tri) cho Đường Huyền Tông. Tác phẩm này khá đồ sộ, gồm hai mươi quyển, ngoài lời giải thích của ngài Thiện Vô Úy, sách còn ghi thêm những kiến giải riêng của ngài Nhất Hạnh. Những phần đó được ghi rõ là “tự vị” (riêng tôi cho rằng), hoặc “kim vị” (nay cho rằng). Đây là một tác phẩm trọng yếu cho hành giả Mật Tông để tìm hiểu về Thai Tạng Giới nói riêng và giáo nghĩa Mật Tông nói chung.

thật sự là biến dạng, khi nào chúng ta quay đầu, sự biến dạng ấy cũng sẽ khôi phục bình thường, khôi phục bình thường chính là tánh đức Phổ Hiền. Vì thế, câu kế tiếp [trong sách Chú Giải] rất hay: “*Vị Bồ Đề tâm sở khởi nguyện hạnh*” (tức là nguyện hạnh do tâm Bồ Đề khởi lên), câu này rất quan trọng, nguyện và hạnh của quý vị phải tương ứng với Bồ Đề tâm. Vì vậy, mười sáu chữ “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*” là quan trọng, trong hết thầy lúc, hết thầy chỗ, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều phải tương ứng với chúng, chúng ta sẽ thuộc vào Bồ Đề đạo. Chúng ta dùng tâm gì để niệm Phật? Dùng Bồ Đề tâm để niệm Phật, Bồ Đề tâm sung mãn thân, khẩu, ý của chúng ta, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta mà thị hiện thân hành, ngôn giáo, hiển thị Bồ Đề tâm nơi thân tâm của chính mình, dùng tâm chân thành đãi người, tiếp vật, dùng thanh tịnh, bình đẳng, giác, dùng đại từ đại bi, tự tha bất nhị. “*Tát giai bình đẳng, biến nhất thiết xứ*” (thầy đều bình đẳng, trọn khắp hết thầy các chỗ), tín, giải, hành, chứng của chúng ta cũng trọn hết thầy các nơi, một chính là hết thầy, hết thầy chính là một, đây là cảnh giới Hoa Nghiêm. “*Thuần nhất diệu thiện*”, thuần nhất diệu thiện là nói tổng quát. Vì sao Phật, Bồ Tát pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ? Nếu chúng ta nhập cảnh giới ấy, quý vị nói xem quý vị có hoan hỷ hay không? Giống như chư Phật, Bồ Tát, pháp hỷ sung mãn. “*Bị cụ chúng đức*” (trọn đủ các đức), Bị (備) là chẳng khuyết, những đức năng vốn sẵn có trong tự tánh thầy đều hiện ra. Đó là ý nghĩa của Phổ Hiền.

“*Phổ Hiền, Văn Thù nãi Thích Ca Như Lai chi nhị hiệp sĩ*” (Phổ Hiền và Văn Thù là hai vị hiệp sĩ của Thích Ca Như Lai), “*hiệp sĩ*” (脅士)⁶ chính là [vị Bồ Tát thân cận ở] hai bên. “*Thị Phật tả hữu*” (hầu hai bên Phật). Phía sau chúng tôi là tượng Tam Tôn Phật, chính giữa là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân, Lô Xá Na là Báo Thân, Thích Ca Mâu Ni Phật là ứng thân, tam thân là một thân, một thân là tam thân. Nói theo Thể, Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân; nói theo Dụng, trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, bèn gọi là Lô Xá Na, tức Báo Thân; ứng hóa trong mười pháp giới là Ứng Thân, Thích Ca Mâu Ni Phật là Ứng Thân. Một tức là ba, ba tức là một, chẳng tách rời! Phía sau chúng tôi, Văn Thù và Phổ Hiền ở hai bên Phật. “*Nãi Thích Tôn hội trung thượng thủ, tại Hoa Nghiêm hội thượng diệc thị thượng thủ. Hựu, Phổ Hiền Bồ Tát vi nhất thiết chư Phật chi trưởng tử*” (là Thượng Thủ trong hội của đức Thích Ca. Trong hội Hoa Nghiêm, họ cũng là Thượng Thủ. Phổ Hiền Bồ Tát còn là con trưởng của hết thầy chư Phật), “*trưởng tử*” là danh hiệu chung. Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh Tứ Thập Tụng có câu: “*Nhất thiết Như Lai hữu trưởng tử, bỉ danh hiệu viết Phổ Hiền tôn*” (Hết thầy Như Lai có trưởng tử, danh hiệu của Ngài là Phổ Hiền). Vì thế, quý vị phải biết, danh hiệu của Bồ Tát chẳng phải là danh xưng chuyên biệt của một người nào. Quý vị học pháp môn này bèn gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Trong kinh Hoa Nghiêm, người

⁶ Hiệp là cái hông, do vậy, Hiệp Sĩ có thể hiểu theo nghĩa đen là người đứng sát sườn ta, là phụ tá gần gũi nhất.

học kinh Hoa Nghiêm là Phổ Hiền Bồ Tát, mà cũng là Văn Thù Bồ Tát. Quý vị lý giải, tức là hiểu rõ, lý giải kinh Hoa Nghiêm, sẽ là Văn Thù; quý vị áp dụng những điều đã lý giải vào cuộc sống, thực hiện trong công việc, áp dụng vào sự đãi người, tiếp vật, bèn gọi là Phổ Hiền. Phổ Hiền tượng trưng Hạnh môn, Văn Thù tượng trưng Giải môn, giải hạnh bất nhị, đều là nói theo mặt Dụng. Về Thể thì Tỳ Lô Giá Na tượng trưng bản thể, tượng trưng cho thanh tịnh viên minh thể của tự tánh, đều là biểu thị pháp.

“*Khả kiến Phổ Hiền chánh thị Như Lai Pháp Thân chi sở lưu hiện, hóa tác Đẳng Giác đại sĩ, tương tán Thích Tôn, diễn xướng thánh giáo. Nhược cứ Mật giáo, Phổ Hiền tức thị Mật giáo Sơ Tổ Kim Cang Tát Đỏa. Kim Cang Tát Đỏa tức thị Kim Cang Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát*” (có thể thấy Phổ Hiền chính là từ Pháp Thân của Như Lai xuất hiện, hóa thành vị Đẳng Giác Đại Sĩ tán trợ Thích Tôn, xướng diễn thánh giáo. Trong Mật giáo, Phổ Hiền chính là Kim Cang Tát Đỏa, Sơ Tổ của Mật giáo. Kim Cang Tát Đỏa chính là Kim Cang Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát). Ở đây, Ngài được xếp đứng đầu các vị Bồ Tát; trong phần trước, chúng ta thấy tôn giả Ca Diếp biểu thị Thiền Tịnh bất nhị, ở chỗ này, Phổ Hiền Bồ Tát cũng nhằm biểu thị Mật Tông và Tịnh Độ bất nhị. Trong Mật Tông, Phổ Hiền Bồ Tát là Sơ Tổ của Mật Giáo, Mật Tông do Ngài truyền thừa, nhưng trong Mật Tông Ngài được gọi là Kim Cang Tát Đỏa (Vajrasattva) hay Kim Cang Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajrapāni). Tiếp đó, “*Thánh Vô Động Tôn Đại Oai Nộ Vương Bí Mật Đà La Ni Kinh viết: Thủ Kim Cang Thủ thị Pháp Thân đại sĩ, thị cố danh Phổ Hiền*” (Thánh Vô Động Tôn Đại Oai Nộ Vương Bí Mật Đà La Ni Kinh chép: “Ông Kim Cang Thủ này là Pháp Thân Đại Sĩ; vì vậy, tên là Phổ Hiền”), sự biểu thị pháp của Ngài ở đây có ý nghĩa sâu xa, có thể nói là sâu rộng không ngần mé. “*Hựu Kim Cang Trí chi Ngũ Bí Tát Quyết viết: Kim Cang Tát Đỏa giả, tức thị Phổ Hiền Đại Bồ Tát dị danh dã, diệc danh nhất thiết Như Lai trưởng tử, diệc danh Đại A Xà Lê*” (Sách Ngũ Bí Tát Quyết của ngài Kim Cang Trí cũng ghi: “Kim Cang Tát Đỏa chính là tên khác của Phổ Hiền Đại Bồ Tát, Ngài cũng được gọi là con trưởng của hết thầy Như Lai, cũng gọi là Đại A Xà Lê”). Chúng ta xem mấy câu này, Kim Cang Tát Đỏa chính là biệt danh của Phổ Hiền Bồ Tát, là danh xưng trong Mật Tông. “*Diệc danh Như Lai trưởng tử*” (cũng gọi là con trưởng của Như Lai), đây là danh xưng trong kinh Hoa Nghiêm. “*Diệc danh Đại A Xà Lê*”, Đại A Xà Lê là danh xưng trong Mật Giáo. A Xà Lê (Ācārya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Quĩ Phạm Sư, [có nghĩa là] tư tưởng và ngôn hạnh của vị ấy có thể làm gương mẫu, khuôn phép cho người tu hành. Bất luận quý vị tu pháp môn nào hay tông phái nào, Phổ Hiền Bồ Tát là gương mẫu chung. Mỗi nguyện trong mười đại nguyện vương đều hàm nhiếp chín nguyện kia; do vậy, mười nguyện biến thành một trăm nguyện, một trăm nguyện ấy nếu lại triển khai sẽ gồm trọn vô lượng vô biên hồng nguyện của Bồ Tát, chẳng sót một nguyện nào; từ tâm Bồ Đề mà sanh, chân thật, chẳng dối!

“*Lễ kính chư Phật*”, chư Phật là gì? Tự tánh là chư Phật, Thể của hết thầy chúng sanh, nói theo Triết Học là bản thể, Lý Thể có thể sanh, có thể hiện chính là tự tánh.

Trong Phật pháp có nói: “*Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*”. Nói cách khác, tâm và pháp là một, chẳng hai. Tâm đã là Phật, lẽ nào pháp chẳng phải là Phật? Chúng ta bèn hiểu rõ ý nghĩa của “*lễ kính chư Phật*”, lễ kính chư Phật là hết thầy cung kính, như vậy thì mới có thể đoạn sạch sành sanh những tập khí ngạo mạn cực kỳ vi tế từ vô thủy kiếp đến nay, vì sao? Lễ kính chư Phật thì Lễ là hình thức bề ngoài, Kính là trong tâm. Trong tâm thật sự có ý kính trọng, cung kính hết thầy. Cung kính hết thầy mọi người, như vậy thì đối với hết thầy chư Phật, Bồ Tát chẳng cần phải nói nữa, vì sao? Hết thầy mọi người là vị lai Phật. Cung kính hết thầy động vật, muỗi, trùng, kiến, những loài cựa quậy, bò trườn trong giới động vật, nay chúng ta biết vi khuẩn là động vật nhỏ nhất. Nhìn dưới kính hiển vi, vi khuẩn giống như tiểu trùng, chúng cử động, đó là chư Phật, phải lễ kính chúng. Cây cối, hoa, cỏ cũng do tâm hiện, tâm sanh. Đá, bùn, cát, các khoáng vật cũng do tâm hiện, thức biến, cho đến hư không, chẳng có một pháp nào chẳng phải là tâm hiện, thức biến, toàn là chư Phật. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tình dữ vô tình, đồng viên chung trí*” (tình và vô tình cùng viên mãn Chung Trí), “*tình*” là hữu tình chúng sanh, “*vô tình*” là thực vật, khoáng vật, hư không, đại địa như chúng ta thường nói. Trong pháp Đại Thừa, toàn bộ đều do tự tánh hiện, không có thứ gì chẳng phải là tự tánh. Tự tánh ở nơi đâu? Tùy tiện lấy một pháp nào cũng đều là nó, người minh tâm kiến tánh bèn biết [điều này]. Do đó, lễ kính chẳng có ngăn mé, đúng là vật to lớn chẳng ra ngoài, vật nhỏ bé không gì chẳng ở trong, đây là Tánh Đức của tự tánh, là Tánh Đức viên mãn. Nếu chúng ta muốn kiến tánh, quý vị làm như thế sẽ kiến tánh rất dễ dàng. Quý vị chẳng tu theo cách như vậy, kiến tánh rất khó, vì sao? Quý vị có nghiệp chướng. Nghiệp chướng là gì? Bất kính! Tự tánh của quý vị vốn trọn đủ lễ kính, nay quý vị ngạo mạn đối với kẻ khác, thấy kẻ ấy chẳng vừa mắt, đây chính là nguyên nhân vì sao quý vị chưa thể kiến tánh! Phổ Hiền Bồ Tát đã nói rõ ràng, đã dạy quý vị rồi, nhưng quý vị chẳng tin tưởng, không chịu y giáo phụng hành, ai thua thiệt? Chính mình bị thiệt thòi, chứ Phổ Hiền Bồ Tát chẳng bị thiệt thòi. Pháp Tánh và Pháp Tướng chẳng bị thiệt thòi, mà chính mình bị thiệt thòi to lớn! Sau khi mê, chưa tỉnh lại, không có cách nào giác ngộ. Nếu muốn giác ngộ, phải khởi đầu bằng lễ kính, Phổ Hiền Bồ Tát dạy như thế đó!

Thứ hai là “*xưng tán Như Lai*”, thứ ba là “*quảng tu cúng dường*”, quảng tu cúng dường chính là Cộng Sản chủ nghĩa, chính là “*lợi hòa đồng quân*” trong Lục Hòa Kính. Tiếp theo đó là “*sám trừ nghiệp chướng*”. Chưa làm được ba điều trước, sẽ chẳng thể sám trừ hết sạch nghiệp chướng. Sám thế nào cũng chẳng sạch, vẫn còn lưu lại khúc đuôi! Ba điều trước đã làm được, nghiệp chướng sẽ sám trừ sạch sành sanh. Quý vị bèn suy nghĩ, ta đối với hết thầy người, sự, vật, hễ còn có tí xíu tâm chẳng cung kính, đó là nghiệp chướng, ta thấy kẻ khác làm chuyện tốt mà chẳng khen ngợi, nghiệp chướng đấy! Thấy người khác làm chuyện bất hảo bèn rêu rao, đó cũng là nghiệp chướng. Do vậy, khen ngợi là khen ngợi điều thiện, chẳng khen ngợi sự ác. Ta thấy chúng sanh chịu khổ bị nạn, cuộc sống của bản thân ta còn khá, sau khi đã thấy, [nếu chính mình] có nhân duyên để giúp đỡ họ mà chẳng chịu làm, đó là nghiệp chướng! Quý vị làm thế nào

để sám trừ nghiệp chướng? Do vậy, ba điều trước có đạo lý rất sâu! Mười đại nguyện ấy, mỗi điều sau sâu hơn điều trước, điều sau có thể bao gồm điều trước, nguyện thứ hai bao gồm nguyện thứ nhất, nguyện thứ nhất chẳng bao gồm nguyện thứ hai, cuối cùng là “*phổ giai hồi hướng*” gồm trọn các điều khác. Nhất định phải hiểu đạo lý này, nhất định phải thật sự làm, thực hiện bằng tâm chân thành của chính mình, như vậy là đúng! “*Tác A Xà Lê*” (làm A Xà Lê), A Xà Lê chính là nêu gương, đúng là “*học làm thầy người, hạnh làm gương cho đời*”, học làm thầy người là ngôn giáo, hạnh làm khuôn mẫu cho đời, đó là thân hành, phải thật sự làm mới được.

“*Kim thử kinh trung, Phổ Hiền đại sĩ, liệt tối thượng thủ, chánh hiển Mật Tịnh bất nhị*” (Nay trong kinh này, Phổ Hiền Đại Sĩ được kể tên là bậc Thượng Thủ cao nhất, chính là để hiển thị Mật, Tịnh bất nhị), ý nghĩa này hay lắm, nói thật hay! “*Có tiên sư Hạ lão vân*” (Vì vậy, tiên sư là Hạ lão cư sĩ nói), tức là lão cư sĩ Hạ Liên Cư, “*Tịnh Độ tức thị Mật giáo hiển thuyết*” (Tịnh Độ chính là hiển thuyết của Mật giáo), câu này nghĩa là gì? Khuyến kẻ học Mật hãy trở về Tịnh Độ. Vì sao? Mật chẳng dễ gì thành tựu! Cụ Hoàng Niệm Tổ bảo tôi, nước Trung Hoa mới⁷ thành lập đã nhiều năm như thế, nhưng tu Mật Tông chỉ có sáu người thành tựu. Lão nhân gia kể cho tôi biết chuyện này, quá khó khăn! Tu Thiên Tông, theo lão pháp sư Đàm Hư cho biết, Ngài nói suốt đời Ngài chưa thấy một ai tham Thiên khai ngộ, chưa hề thấy, mà cũng chưa hề nghe nói đến, đặc Thiên Định thì có, như lão hòa thượng Hư Vân đặc Thiên Định, nhưng chẳng khai ngộ, quý vị bèn biết Thiên khó lắm! Ở đây, tôn giả Ca Diếp biểu thị pháp “Thiên Tịnh bất nhị”. Nếu quý vị mong thật sự thành tựu, hãy tu Tịnh Độ, Thiên có thể tu kèm, “*có Thiên, có Tịnh Độ*”. Câu ấy nói rõ chẳng thể thành tựu nơi Thiên, bèn có thể thành tựu nơi Tịnh. Học Mật cũng giống như vậy, ở đây, Phổ Hiền Bồ Tát biểu thị pháp, chẳng thể thành tựu nơi Mật thì thành tựu bằng Tịnh. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng học Thiên và Mật, cuối cùng niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng học Thiên và Mật, cụ học Thiên với lão hòa thượng Hư Vân, học Mật với Công Cát lão nhân⁸, cụ cũng tu Tịnh Độ. Cuối cùng, trong lúc ngã bệnh, cụ bảo tôi:

7 Tân Trung Quốc là từ ngữ do chính quyền Trung Cộng đặt ra để gọi nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, nhằm phân biệt với Trung Hoa Dân Quốc.

8 Công Cát lão nhân (1903-1997) họ Thân, tên là Thư Văn, thuộc hoàng tộc nhà Thanh, sanh tại Bắc Kinh, tập võ từ năm sáu tuổi. Năm mười hai tuổi, theo học kiếm thuật và luyện nội công theo Đạo giáo, và có chí nguyện xuất gia từ nhỏ. Năm 1920, bà vâng lệnh cha kết hôn với ông Vũ Anh Đình, nhưng do sẵn chí xuất trần, bà xin thoái hôn, hành hiệp khắp vùng Nam Bắc. Năm 1922, bà gặp hòa thượng Đạo Giai chùa Pháp Nguyên điếm hóa, bèn bỏ tu Tiên, học Phật, chuyên tâm dạy học, đề xướng khuyến học và các biện pháp giảm đói nghèo cho dân chúng. Bà từng tham gia du kích kháng Nhật khi chiến tranh Hoa Nhật nổ ra. Không lâu sau, bà bị thương nặng, bị quân Nhật bắt được. Trong thời gian tù đày, bà sáng chiếu niệm thánh hiệu Quán Âm, được cảm ứng, thoát hiểm. Từ đó, bà ăn chay trường, chuyên tâm hành trì Phật pháp. Chiến tranh thế giới lần thứ hai nổ ra, bà theo chánh phủ Dân Quốc thiên cư về Trùng Khánh, theo học tại Hán Tạng Giáo Lý Viện, quy y với Thái Hư đại sư. Bà cũng xin học Thiên với Hư

Mỗi ngày niệm Phật mười bốn vạn câu, ngày đêm chẳng giải đãi, niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Những vị ấy đều là đại thiện tri thức, đã nêu gương cho chúng ta trong thời kỳ Mật Pháp này! Vì sao [các Ngài] thị hiện những chuyện như thế? Đây là lòng từ bi vô tận, dạy chúng ta đừng đi theo đường vòng, các Ngài đã đi đường vòng cho chúng ta thấy, cuối cùng các Ngài đều trở về Tịnh Độ, đạt được thành tựu. Chúng ta còn phải học Thiên hay học Mật nữa hay chẳng? Chẳng cần! Chúng ta trực tiếp tu Tịnh Độ là được rồi, theo đường thẳng, không đi loanh quanh, biểu thị ý nghĩa ấy. “*Tạng Mật Hồng giáo tổ sư Liên Hoa Sanh Đại Sĩ, tức A Di Đà Phật chi hóa thân Phật, cổ Hồng giáo tôn sùng Di Đà, khuyến sanh Cực Lạc, viễn thịnh u kỳ tha giáo phái. Mật Tịnh bất nhị chi chi, u bốn giải trung tạm bất tường luận*” (tổ sư Liên Hoa Sanh Đại Sĩ (Padmasambhava) của Hồng giáo⁹ Mật tông Tây Tạng chính là hóa thân của A Di Đà Phật. Vì vậy, Hồng giáo tôn sùng A Di Đà Phật, sốt sắng khuyến sanh về Cực Lạc hơn các tông phái khác. Trong bản giải thích kinh này, tạm chẳng bàn luận chi tiết về yếu chỉ “Mật, Tịnh bất nhị”). Sự thị hiện này, đặc biệt là một chiêu cuối cùng của Niệm công lão nhân (cụ Hoàng Niệm Tổ) nhằm bảo chúng ta, hãy chuyên niệm A Di Đà Phật, nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ bèn thành công.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp, “*Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát*”. “*Văn Thù Sư Lợi, diệc vân Mạn Thù Thất Lợi*” (Văn Thù Sư Lợi còn gọi là Mạn Thù Thất Lợi), đây là dịch âm tiếng Phạn, cách dịch khác nhau, âm thanh cũng chẳng sai khác mấy, cũng rất gần gũi, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Diệu Thủ, hoặc còn dịch là Diệu Cát Tường, “*diệc vân Diệu Đức, thị chư Phật chi sư*” (còn dịch là Diệu Đức, Ngài là thầy của chư Phật). Trong kinh có nói Ngài là thầy của bảy vị Phật quá khứ. Quý vị thấy bảy người học trò đều đã thành Phật mà lão nhân gia vẫn thuộc địa vị Bồ Tát, giúp người khác thành tựu

Vân đại sư. Năm 1940, bà chuyển tới Khang Định, đảm nhiệm chức Bí Thư của chính quyền tỉnh Tây Khang, hứng thú học Mật tăng cao. Tuy gặp nhiều vị đại đức Mật Tông, bà chỉ tôn sùng Công Cát Hoạt Phật (Konga, Gangkar Rinpoche, 1893-1957), nên đến chùa Công Cát tại núi Gangkhar Dzongsar thuộc vùng Khang Định xin quy y, được truyền pháp quán đảnh, bà xin bé quan tu hành suốt ba năm, được Công Cát Hoạt Phật ban đạo hiệu Công Cát Lão Nhân. Bà tinh tấn tu hành, trở thành một vị thượng sư đức cao trọng vọng của dòng Karmapa Kagyu tại Hoa Lục. Tuy tu hành, bà vẫn tích cực hành nghề y tại Thượng Hải, Tô Châu. Bà từng sang Đài Loan hoằng pháp vào năm 1958, sáng lập Công Cát Tinh xá tại Trung Hòa (Đài Bắc), lập viện chữa trị Đông Y tại nơi đó. Bà từng tuân lệnh Karmapa đời thứ mười sáu thành lập Công Cát Tinh xá tại Phi Luật Tân cũng như sang hoằng pháp tại Mã Lai, Thái Lan, Tân Gia Ba, và Hương Cảng.

9 Hồng Giáo còn gọi là Cổ Mật, tức tông phái Nyingma pa, là tông phái Mật Tông cổ nhất tại Tây Tạng. Gọi là Hồng Giáo, Hồng Phái hoặc phái Hồng Mạo vì chư tăng thường mặc ca-sa có màu đỏ sậm, đội mũ đỏ, nhằm phân biệt với tông phái Gelugpa của Đại Lai Lạt Ma (Hoàng Mạo phái, đội mũ vàng, khoác ca-sa vàng phủ lên ca-sa đỏ), Bạch Giáo (Kagyupa, tuy gọi như vậy, nhưng phái này vẫn mặc ca-sa nâu đỏ) và Hoa Giáo (Sakyapa). Hồng Giáo tôn sùng đại sĩ Liên Hoa Sanh làm sáng tổ.

Vô Thượng Bồ Đề, nêu gương cho chúng ta thấy. “*Phóng Bát kinh viết: Kim ngã đắc Phật, giai thị Văn Thù Sư Lợi chi ân dã. Quá khứ vô ương số chư Phật, giai thị Văn Thù Sư Lợi đệ tử. Đương lai giả diệc thị kỳ oai thần lực sở trí. Thí như thế gian tiểu nhi hữu phụ mẫu*” (Kinh Phóng Bát chép: “Nay tôi được thành Phật đều do ơn của Văn Thù Sư Lợi. Quá khứ vô ương số chư Phật đều là đệ tử của Văn Thù Sư Lợi. Các vị [Phật trong] tương lai cũng cậy vào sức oai thần của Ngài mà thành. Ví như trẻ nít trong cõi đời có cha mẹ”). Những người nương cậy Bồ Tát, bao nhiêu Bồ Tát trong quá trình tu hành đều được Văn Thù Bồ Tát chiếu cố. Trên thực tế, Văn Thù Bồ Tát cũng đã thành Phật trong kiếp số lâu xa, nhưng luôn dùng thân phận Bồ Tát, tuy đã thành Phật, nhưng giống như Phổ Hiền Bồ Tát, đã thành Phật vẫn chẳng bỏ nhân địa. Chúng ta thấy kinh chỉ nói Ngài là thầy của bảy vị Phật, ở đây, chúng ta thấy, “*quá khứ vô ương số chư Phật đều là đệ tử của Văn Thù Sư Lợi*”, trong kinh đức Phật đã dạy điều này! “*Văn Thù giả, Phật đạo trung phụ mẫu dã*” (Văn Thù là cha mẹ trong Phật đạo), trong Phật đạo và trong Bồ Tát đạo, Ngài giống như cha mẹ, chiếu cố những kẻ tu hành phát tâm học đạo.

“*Tâm Địa Quán Kinh viết: - Tam thế giác mẫu Diệu Cát Tường*” (Kinh Tâm Địa Quán nói: “Mẹ giác ngộ của ba đời là Diệu Cát Tường”), Diệu Cát Tường là Văn Thù Sư Lợi. “*Tam thế giác mẫu*”, Giác là Phật, [tam thế giác mẫu] là mẹ của ba đời chư Phật. “*Hựu Diệu Đức giả, Pháp Hoa Gia Tường Sở nhị*” (Lại nữa, Diệu Đức, theo quyền hai trong tác phẩm sơ giải kinh Pháp Hoa của ngài Gia Tường), “*nhị*” là quyền thứ hai, “*viết: Văn Thù, thử vân Diệu Đức*” (nói: “Văn Thù, cõi này dịch là Diệu Đức”), Văn Thù là dịch âm tiếng Phạn, Văn Thù Sư Lợi dịch sang tiếng Hán là Diệu Đức hay Diệu Cát Tường. “*Dĩ liễu liễu kiến Phật Tánh cố, đức vô bất viên, quả vô bất tận, xưng Diệu Đức dã*” (do thấy rõ ràng Phật Tánh, đức không gì chẳng viên mãn, quả không gì chẳng cùng tột, nên xưng là Diệu Đức). Vì sao dịch là Diệu Đức? Đức đã trọn vẹn, quả đã chứng đến địa vị cùng tột, “*quả vô bất tận*” là đã chứng đến địa vị cùng tột, cũng tức là công đức viên mãn, nên gọi là Diệu Đức. “*Hội Sớ viết: Cụ tam đức bí tạng, thần hóa bất tư nghị, cố danh Diệu Đức*” (Hội Sớ chép: “Trọn đủ ba đức bí tạng, thần thông và giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn, nên gọi là Diệu Đức”). Trong kinh Đại Thừa thường nói đến tam đức bí tạng, Pháp Thân, Bát Nhã, và Giải Thoát được gọi là Tam Đức. “*Cụ*” (具) là đầy đủ, đây là nói đến sự chứng đắc. Chứng đắc tam đức bí tạng là Pháp Thân Bồ Tát. Trong tam đức bí tạng, A La Hán chỉ có một đức là giải thoát, A La Hán vẫn chưa có Bát Nhã và Pháp Thân, giải thoát [của A La Hán] thường nói là giải thoát một nửa, giải thoát chẳng viên mãn. Quyền Giáo Bồ Tát cũng chưa chứng đắc Bát Nhã và Pháp Thân, Pháp Thân Bồ Tát mới chứng đắc, người Trung Quốc thường nói là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, đây là chứng đắc, kiến tánh thành Phật là chứng đắc. Theo kinh Hoa Nghiêm, Sơ Trụ trong Viên Giáo đã chứng đắc [tam đức bí tạng], nhưng chẳng thể nói là viên mãn. Vì sao? Các Ngài chưa đoạn tập khí, tập khí vô minh vẫn còn. Trong phần trước, tôi đã nói, phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới đoạn hết tập khí, đoạn hết tập khí bèn trở về tự tánh viên mãn, đó là Thường Tịch Quang

Tịnh Độ. Vì vậy, Ngài trọn đủ tam đức bí tạng, cũng tức là đã thật sự chứng quả từ lâu, nhưng chẳng bỏ hạnh đã tu nơi nhân địa, giống như Phổ Hiền. Vì thế, nói Ngài là thầy của chư Phật, thần hóa chẳng thể nghĩ bàn, [tức là] thần thông và giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn, cho nên gọi là Diệu Đức.

“*Diệu Cát Tường giả, Viên Trung Sao viết: - Vi diệu tam đức, đồng Phật sở chứng, cố diệc vân Diệu Cát Tường. Hoặc nghiệp khổ tam, hữu thiếu phần tại, giai vị cát tường*” (Diệu Cát Tường: Sách Viên Trung Sao giảng: “Chúng ba đức vi diệu giống như Phật nên cũng gọi là Diệu Cát Tường. Ba thứ Hoặc, Nghiệp, Khổ nếu còn có chút phần đều chẳng phải là Cát Tường”). Chúng ta phải ghi nhớ câu này, Hoặc là mê hoặc, Nghiệp là tạo nghiệp, Khổ là chịu báo, đó là gì? Là những thứ trong lục đạo luân hồi. Mê hoặc, tạo nghiệp, chịu báo, ba chuyện này hễ còn chút phần, đều chẳng thể gọi là Cát Tường. Trong quá khứ, người thế gian chúng ta khen ngợi người khác bèn nói “cát tường”, thật ra là lời lẽ khen ngợi hữu danh vô thực! Tiêu chuẩn Cát Tường theo nhà Phật có mức độ thấp nhất là A La Hán, vì sao? A La Hán đã đoạn hết Hoặc, Nghiệp, Khổ, đã đoạn xong, vượt thoát lục đạo luân hồi, đối với bốn thánh pháp giới được gọi là Cát Tường, nhưng chưa thể thêm vào chữ Diệu! Diệu là Pháp Thân Bồ Tát thì mới có thể xưng là Diệu Cát Tường. “*Vi diệu tam đức, đồng Phật sở chứng*” (chúng ba đức vi diệu giống như Phật), này là Diệu Cát Tường. “*Vị cư cứu cánh, tam đức viên chuong, cố hựu hiệu Diệu Cát Tường dã*” (Địa vị đạt đến rốt ráo, ba đức hiển lộ trọn vẹn, nên lại có hiệu là Diệu Cát Tường). Quý vị thấy địa vị đạt đến rốt ráo. Đạt đến rốt ráo là Diệu Giác, chẳng phải là Đẳng Giác, Ngài thị hiện thân phận Đẳng Giác, Đẳng Giác là Ngài thả chiếc bè Từ, chứ thật ra Ngài đã thành Phật từ rất lâu rồi! “*Văn Thù u Bồ Tát chúng trung, trí huệ đệ nhất, bốn vi Long Chúng Tôn Vương Như Lai*” (Trong các vị Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là bậc trí huệ bậc nhất. Ngài vốn là Long Chúng Tôn Vương Như Lai), Ngài đã thành Phật xưa kia, đây là Phật hiệu của Ngài. “*Hiện tại Bắc phương Thường Hỷ quốc thành Phật, hiệu Bảo Tích Như Lai*” (hiện tại Ngài thành Phật trong cõi Thường Hỷ thuộc phương Bắc, hiệu là Bảo Tích Như Lai), nguyên lai Bảo Tích Như Lai cũng là Ngài. Theo như kinh Đại Bảo Tích đã nói, [Bảo Tích Như Lai] vốn vẫn là Ngài. “*Vị lai thành Phật, hiệu Phổ Kiến Như Lai*” (trong tương lai thành Phật, hiệu là Phổ Kiến Như Lai), trong tương lai, Ngài lại thị hiện thành Phật, đắc đại tự tại.

Ở đây, đã thấu lộ cho chúng ta một tin tức, tin tức gì vậy? Đoạn hết tập khí vô thỉ vô minh, cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng không có, đúng là “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, cõi Thật Báo cũng chẳng thật, chỉ có Thường Tịch Quang là thật. Có người hỏi, trong Thường Tịch Quang, ta có khởi tác dụng hay chẳng? Quý vị đọc đến đây, [sẽ thấy] có khởi tác dụng. Trong Thường Tịch Quang, khi nào chúng sanh hữu duyên có cảm, Ngài sẽ ứng, “ứng” ở đây là có thể thật sự hiện thân Phật, xuất hiện. Văn Thù Bồ Tát là một thí dụ, Ngài chẳng cần phải thị hiện tám tướng thành đạo, có thể thị hiện quả vị rốt ráo để xuất hiện. Đây chính là “có cảm”, nói chung là người nào

cảm? Pháp Thân Bồ Tát hẳn có cảm bèn ứng. “*Có tri Văn Thù đại sĩ nãi quá hiện vị tam thế thành Phật giả, kim thị hiện hội trung, đại trí độc tôn, biểu thử pháp môn duy đại trí phương năng tín nhập*” (Do vậy biết: Đại Sĩ Văn Thù thành Phật trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Nay Ngài thị hiện làm bậc đại trí độc tôn trong hội này, biểu thị chỉ có người đại trí mới có thể tín nhập pháp môn này). Thật vậy! Chẳng phải là bậc đại trí, đại thiện căn, đại phước đức thật sự sẽ chẳng thể ngay lập tức tiếp nhận pháp môn này. “*Hựu Diệu Đức giả, liễu liễu kiến Phật tánh cố, kim lân Phổ Hiền vị liệt thượng thủ, chánh biểu Thiên Tịnh bất nhị*” (Hơn nữa, Diệu Đức là thấy rành rõ Phật tánh nên kinh văn đặt Ngài làm Thượng Thủ tiếp ngay theo Phổ Hiền chính là để biểu thị ý chỉ “Thiên, Tịnh bất nhị”). Vì Văn Thù Bồ Tát cũng là tổ sư của Thiên Tông, nên núi Ngũ Đài cũng là đại bản doanh, là tổ đình của Thiên Tông. Ở đây, chúng ta thấy ý nghĩa biểu thị pháp của Văn Thù và Phổ Hiền.

Tôi giảng kinh Hoa Nghiêm kinh được một nửa, nghĩ Văn Thù và Phổ Hiền tu pháp nào? Do thuở ấy, tôi chưa có tín tâm đối với Tịnh Độ, nhưng cũng chẳng hoài nghi, cũng chẳng phản đối, không muốn tu Tịnh Độ, vẫn là muốn học Giáo. Kết quả là lật xem phần sau kinh Hoa Nghiêm, đều thấy [các vị Bồ Tát] phát nguyện cầu sanh về Tịnh Độ. Lại đọc phần năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, đúng là đều dạy thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Tuy tham phỏng mỗi vị thiện tri thức, đến cuối cùng đều là lễ từ, tức là “*luyến đức lễ từ*”, cảm ơn đại đức đã giáo huấn. “*Lễ từ*”: [Lễ] là lễ tạ, Từ là chẳng học pháp môn ấy, Ngài vẫn là một câu Di Đà niệm tới cùng, từ đầu tới cuối chẳng thay đổi pháp môn. Lúc ấy, tôi mới nghiêm túc xem xét chỗ vi diệu của Tịnh Tông, như vậy rồi mới tiếp nhận. Vì thế, rất khó khăn, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Lăng Nghiêm đã dẫn tôi về Tịnh Độ. Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học tới chỗ này.